

40 NĂM VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG NAM BỘ VỚI VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

Tính từ năm 1975 đến nay, vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ thường có vị trí quan trọng trong các chương trình và chiến lược nghiên cứu của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. Các nghiên cứu nhìn chung tập trung vào ba nhóm chủ đề: 1/ Những vấn đề ruộng đất từ thời các chúa Nguyễn đến thời thuộc Pháp; 2/ Các di sản của chính sách ruộng đất thời Việt Nam Cộng hòa; 3/ Đặc điểm và biến động của tình hình ruộng đất sau giải phóng đến nay. Tổng quan còn cho thấy, Viện đã thường đi trước trong việc nắm bắt những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn tình hình ruộng đất ở Nam Bộ; đồng thời có nhiều đóng góp đáng ghi nhận, nhất là ở các lĩnh vực tìm hiểu lịch sử khẩn hoang, làm rõ những thời kỳ và chính sách khác nhau về ruộng đất, nhận diện sự vận động của tình hình ruộng đất trong mối quan hệ với đời sống nông dân và cơ cấu xã hội nông thôn ở Nam Bộ.

1. DẪN NHẬP

Nói rằng ruộng đất là quan trọng với người nông dân, thì thời nào cũng đúng. Nhưng mức độ quan trọng này lại đậm nhạt khác nhau trong tư duy kinh tế giữa các giai đoạn lịch sử của Nam Bộ. Theo Trần Hữu Quang (2014, tr. 26), ở Nam Bộ đến cuối những năm 1960 và đầu 1970, ruộng đất đã “dần mất đi vị trí cốt lõi tối hậu như trong nền nông nghiệp cổ truyền”. Bởi lẽ, “quá trình thương mại hóa nền kinh tế nông thôn và việc sử dụng những nhập lượng tư bản trong nông nghiệp (máy cày, máy xới, động cơ xăng dầu, máy bơm nước, máy đuôi tôm, phân bón hóa học) đã trở thành nhân tố

quyết định trong phân hóa ở nông thôn” (Ngô Vĩnh Long, 1984. Dẫn theo Trần Hữu Quang, 2014, tr. 26). Thế nhưng, có thời kỳ khoảng 10 năm sau ngày 30/4/1975, chỉ xoay quanh việc xử lý vấn đề ruộng đất bằng các phong trào nhường cơm sẻ áo, giãn dân, hồi hương, đi kinh tế mới, tập thể hóa..., “dường như chúng ta muốn tin rằng đã xóa bỏ được sự phân biệt giai cấp trong nông thôn” (Lê Minh Ngọc, 1992, tr. 35).

Viện Khoa học xã hội miền Nam ra đời khi ruộng đất và nông thôn đang trở nên sôi động đặc biệt như thế. Viện là thiết chế nghiên cứu khoa học xã hội Mác - xít đầu tiên được thành lập trên phần lãnh thổ vừa được giải phóng, nơi nhiều vấn đề học thuật tồn tại từ trước 1975, nhất là thuộc lĩnh vực sử học, còn “chứa đựng những

quan điểm lệch lạc, phản động” (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 2000, tr. 120)” cần phải nhận thức lại theo thể giới quan của chủ nghĩa duy vật lịch sử, phương pháp luận biện chứng duy vật. Ngoài ra, Quyết định của Trung ương Cục về việc thành lập Viện ngày 12/9/1975 đã nhấn mạnh nhiệm vụ xuyên suốt của Viện là “Tổ chức việc nghiên cứu một số vấn đề khoa học xã hội có khía cạnh địa phương trong khuôn khổ chung của toàn quốc” (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 2000, tr. 8).

Vì vậy, có thể nói nghiên cứu về ruộng đất nói riêng, nông nghiệp - nông dân - nông thôn Nam Bộ là một mảng quan trọng trong chiến lược, chương trình và đề tài nghiên cứu của Viện.

Từ những đặc điểm về môi trường, điều kiện, chức năng, nhiệm vụ hoạt động khoa học kể trên và căn cứ vào kết quả thu thập tài liệu, chúng tôi nhận thấy các nghiên cứu có phản ánh vấn đề ruộng đất của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ thường đi theo ba nhóm chủ đề chính: 1/ Nghiên cứu những vấn đề ruộng đất từ thời các chúa Nguyễn đến thời thuộc Pháp; 2/ Nghiên cứu các di sản của chính sách ruộng đất thời Việt Nam Cộng hòa; 3/ Nghiên cứu đặc điểm và biến động của tình hình ruộng đất sau giải phóng đến nay. Về diễn trình của ba hướng nghiên cứu này, chúng tôi tạm chia thành 3 giai đoạn: 1975 - 1986, 1986 - 2010, 2010 đến nay.

2. GIAI ĐOẠN 1975 - 1986

Một vài năm đầu mới thành lập, do yêu cầu khắc phục hậu quả chiến tranh nên hoạt động nghiên cứu của Viện còn phân tán. Có lẽ phải đến đầu những năm 1980, Viện mới chính thức định hướng một cách hệ thống những vấn đề nghiên cứu dài hạn, thể hiện qua cuốn sách *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long* (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 1982). Trong những định hướng nghiên cứu đó vấn đề ruộng đất là một trong 6 vấn đề, thuộc lĩnh vực kinh tế được xác định cần ưu tiên làm rõ. Tuy vậy, rải rác từ năm 1976, nhiều khía cạnh khác nhau của vấn đề ruộng đất đã được một số ban nghiên cứu thực hiện và công bố.

Xem xét theo hướng nghiên cứu thứ nhất *Những vấn đề ruộng đất từ thời các chúa Nguyễn đến thời thuộc Pháp*, Ban Sử học có lẽ để lại dấu ấn sớm nhất với bài viết *Vài nét về cuộc di chuyển dân cư và khai thác những vùng đất mới ở Đồng Nai - Gia Định trong các thế kỷ XVII, XVIII* của Huỳnh Lứa (1978). Sau bài viết này, ý tưởng lần theo dấu vết đi về phương Nam mở đất, lập làng, “vỡ đất hoang ra thành bằng phẳng” (Phan Huy Chú, 1992, tr. 170) của người xưa được tác giả và các đồng sự tiếp tục phát triển qua loạt bài viết: *Công cuộc khai phá vùng Đồng Nai - Gia Định trong các thế kỷ XVII - XVIII* (Huỳnh Lứa, 1982); *Mấy vấn đề về cơ cấu chế độ sở hữu ruộng đất ở vùng Đồng Nai - Gia Định (Nam Bộ cũ) vào nửa đầu thế kỷ XIX* (Huỳnh Lứa, 1984); *Nghề trồng lúa ở Nam Bộ hồi thế kỷ XIX trở về trước*

(Lê Văn Năm, 1981); *Vài nhận xét về cơ cấu sở hữu ruộng đất ở Nam Bộ vào nửa đầu thế kỷ XIX* (Huỳnh Lửa, 1984); *Khẩn hoang ở khu vực Mỹ Tho và Bến Tre trong các thế kỷ XVII - XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX*; *Chính sách khẩn hoang của triều Nguyễn ở Nam Kỳ lục tỉnh*; *Chế độ công điền - công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp Đồng Nai - Gia Định* (chưa rõ tác giả) (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 2000, tr. 123-124). Ngoài ra, nhà nghiên cứu Lê Văn Năm cũng góp vào chủ đề nghiên cứu lịch sử khẩn hoang với bài viết *Vấn đề thủy lợi trong việc khai phá đồng bằng Nam Bộ của người Việt ở thế kỷ XVII, XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX* (1982) in trong sách *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long* (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 1982).

Cùng trong khuôn khổ nội dung sách *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*, nhưng tiếp cận từ khía cạnh dân tộc học, nhà nghiên cứu Phan An có bài viết *Một số vấn đề kinh tế - xã hội vùng nông thôn của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* (1982). Tác giả đã làm rõ về tình hình ruộng đất, phân bố ruộng đất, mua bán và sử dụng ruộng đất trong những khu vực nông thôn có đông người Khmer sinh sống như Trà Vinh, Trà Cú (tỉnh Cửu Long cũ), Sóc Trăng, Vĩnh Châu (tỉnh Hậu Giang cũ). Bài viết cho thấy cái nhìn hoàn chỉnh hơn so với một trình bày được thực hiện từ hai năm trước của ông trong sách *Sưu tập Dân tộc học* (*Vài nét về*

ruộng đất nông thôn của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long, 1980), lưu ý đến tình trạng chuyển nhượng đất đai “ngày càng phổ biến” do tình cảnh “nghèo khó, bần cùng của nông dân Khmer dưới ách thống trị của địa chủ phong kiến”, mặc dù tục lệ cổ truyền của đồng bào Khmer coi đây là một tội lỗi vì đã “phá tan mồ hôi, công sức của tổ tiên để lại” (14, tr. 187). Năm 1983, Phan An giới thiệu thêm một nghiên cứu có chung lối tiếp cận như trên, nhưng là một kết quả điền dã thuộc chương trình nghiên cứu Tây Nguyên (khởi động từ năm 1981), có tựa đề *Vấn đề quyền sử dụng và quyền sở hữu đất đai ở Tây Nguyên trong lịch sử* (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 2, tr. 43-49).

Ở hướng nghiên cứu thứ hai – *Các di sản của chính sách ruộng đất thời Việt Nam Cộng hòa*, nổi lên hai khảo cứu công phu của Ban Sử học: *Chính sách ruộng đất của Mỹ - ngụy ở nông thôn miền Nam Việt Nam và Tác động của chính sách bình định - lập ấp chiến lược và khu trục mật của Mỹ - ngụy đối với nông thôn Nam Bộ (vùng bị tạm chiếm)* (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 2000, tr. 123). Luận điểm chính của các tác giả là: Từ Dự số 2 và Dự số 7 về “Cải cách điền địa” đến luật “Người cày có ruộng” của chế độ Sài Gòn, tuy đã tạo nên những thay đổi cơ bản trong đời sống nông thôn nhưng chung quy là nhằm phục vụ cho cuộc chiến giành dân do người Mỹ chủ trương và hậu thuẫn. Chính vì bị chi phối mạnh bởi tham vọng chính trị và áp lực chiến tranh nên việc thực

thì các chính sách này còn mang tính chất nửa vời. Cùng chủ đề này, năm 1986, Trần Thị Bích Ngọc có một bài viết đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2: *Chủ nghĩa thực dân mới và vấn đề sở hữu ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Mười năm sau, cùng theo chiều hướng này, Võ Văn Sen đã mở rộng vấn đề, nghiên cứu toàn diện để hoàn thành luận án tại Cơ sở Đào tạo sau đại học của Viện: *Sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở miền Nam Việt Nam 1954 - 1975*, do nguyên Viện trưởng - Giáo sư Nguyễn Công Bình hướng dẫn.

Tình hình sở hữu và phân bố ruộng đất ở Nam Bộ qua những diễn biến của cuộc chiến “giành dân” cũng được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu về giai đoạn 1954 - 1975 của Ban Kinh tế. Năm 1979, tập thể tác giả Ban Kinh tế học đã hoàn thành một tập tài liệu giàu giá trị tham khảo, tựa đề *Tình hình kinh tế miền Nam Việt Nam qua các chỉ tiêu thống kê từ 1954 - 1975*. Từ những nhận thức tổng quát của công trình này, năm 1980, Ban Kinh tế tiếp tục đi sâu, làm sáng rõ hơn bộ mặt kinh tế của riêng khu vực đồng bằng châu thổ, qua đề tài *Kinh tế xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long qua các tư liệu cũ 1954 - 1975*. Cả hai công trình đều có sử dụng báo cáo tư liệu của gần 20 chuyên viên cao cấp chế độ cũ, với tư cách là các cộng tác viên. Sự hiểu biết thực tế của những người trong cuộc kết hợp với quan điểm nghiên cứu mới đã cho hai công trình nghiên cứu này khả năng “đánh giá đúng thực chất nền kinh tế miền

Nam trước giải phóng” (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 2000, tr. 93).

Khảo sát trên hướng nghiên cứu thứ ba – *Đặc điểm và biến động của tình hình ruộng đất sau giải phóng đến nay* – chúng tôi nhận thấy đa số ấn phẩm liên quan là kết quả nghiên cứu của Ban kinh tế học và Ban Xã hội học. Trong đó ý tưởng nghiên cứu thường là ba yếu tố trên hai logic vấn đề: 1/ Hiện trạng cơ cấu xã hội nông thôn Nam Bộ → vấn đề ruộng đất → vấn đề thực hiện chính sách tập thể hóa; 2/ Vấn đề thực hiện chính sách tập thể hóa → những vấn đề ruộng đất → kéo theo sự biến đổi cơ cấu xã hội nông thôn Nam Bộ. Theo logic thứ nhất, nội dung nghiêng về giải thích chính sách; theo logic thứ hai, nội dung nghiêng về đánh giá chính sách.

Năm 1976, tác giả Lâm Quang Huyền khởi sự chủ đề này bằng bài viết *Kết cấu giai cấp và cách mạng quan hệ sản xuất trong nông thôn Nam Bộ* (Ban Kinh tế, 1976) đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 4. Ba năm sau, tại *Hội thảo khoa học và thực tiễn lần thứ nhất về Đồng bằng sông Cửu Long*, Lâm Quang Huyền có thêm những trao đổi riêng với chủ đề cách mạng quan hệ sản xuất, phân tích sâu vào chính sách kinh tế then chốt nhất của thời kỳ qua báo cáo *Vấn đề tập thể hóa nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long* và bài viết *Một số ý kiến xung quanh vấn đề tập thể hóa nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long* trong sách *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long* (1982, tr. 235-241).

Vấn đề tập thể hóa giai đoạn 1979 - 1985, mà Lâm Quang Huyền cho rằng cần phải hoàn thành vì “là vấn đề nguyên tắc Mácxít - Lêninnít” (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 2000, tr. 235), thì trên thực tế, lại đang gây ra khó khăn nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp Nam Bộ. Trung ương lo lắng, đội ngũ khoa học xã hội và nhân văn ở phía Nam “buộc phải tập trung vào các chương trình nghiên cứu trọng điểm và có tính liên ngành để góp phần phát huy nội lực đất nước” (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 2000, tr. 48). Theo đó Viện đã vừa triển khai, vừa tham gia vào một số dự án nghiên cứu định hướng theo vùng lãnh thổ như Chương trình 60.02 điều tra cơ bản và tổng hợp Đồng bằng sông Cửu Long (1982 - 1986), Chương trình 60B (tiếp tục Chương trình 60.02), Chương trình VIE/87/103 do Liên Hợp Quốc tài trợ.

Sử dụng dữ liệu điều tra của các chương trình này, nhiều “đánh giá chính sách” được đúc kết. Năm 1981, xuất phát từ lý luận kinh tế học Mácxít và căn cứ vào đặc điểm tình hình ruộng đất, Trần Xuân Kiêm (cùng với Nguyễn Lâu) lưu ý phải tính đến lợi thế vị trí vùng và khoảng cách với các thành phố lớn trong thực hiện mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động” (Chỉ thị 100, tháng 1/1981) ở các hợp tác xã nông nghiệp, qua báo cáo *Vài ý kiến về vấn đề địa tô chênh lệch ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long* (tại *Hội nghị khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long lần thứ nhất*, 1981). Năm 1982, sau 6

năm biến đổi dưới những chính sách nông thôn của Đảng, Trần Hữu Quang (1982, tr. 31-38) tiếp nối Lâm Quang Huyền tiến hành *Nhận diện cơ cấu giai cấp ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long*. Ngoài ra, đề cập về những biến đổi của xã hội nông thôn còn có các bài viết *Về tầng lớp Trung nông ở Đồng bằng sông Cửu Long* của Lê Minh Ngọc; *Ý nghĩa của vấn đề khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động trong nông nghiệp đối với Đồng bằng sông Cửu Long* của Lê Quốc Sử (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 1982) và bài viết của Nguyễn Thu Sa *Sự phân hóa xã hội và một số vấn đề về tập thể hóa nông nghiệp* (Tạp chí Khoa học và Phát triển, số 16, 1984)

Năm 1985, Ban Sử học xuất bản cuốn sách *Nông nghiệp và nông thôn ngoại thành qua 10 năm cải tạo và xây dựng theo định hướng phát triển toàn diện (1976 - 1985)*, bổ sung thêm một phần ảnh lịch đại bên cạnh những phản ánh đồng đại kể trên.

Tiến hành các nghiên cứu có tính lặp lại, cùng với tinh thần đề cao nguyên tắc nhận thức khoa học phải bám sát thực tiễn như cách một số nhà nghiên cứu thuộc Ban Xã hội học đã thể hiện, là những đặc điểm không dễ thấy trong môi trường nghiên cứu vốn nặng tính giáo điều ở khoảng 10 năm của thời kỳ bao cấp này.

3. GIAI ĐOẠN 1986 - 2010

Từ sau năm 1986, cùng với sự “cởi trói” trong quản lý kinh tế, lĩnh vực nghiên cứu học thuật trở nên thông

thoáng hơn. Bước chuyển đầu tiên là việc đổi mới tư duy và phương pháp nghiên cứu. Quan điểm toàn diện ngày càng đậm nét khi các nhà nghiên cứu đã chú ý kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu lý luận với nghiên cứu tổng kết thực tiễn. Với sự chuyển dịch này, vấn đề ruộng đất được xé mảnh, mổ xẻ chi tiết; tập trung vào lý giải hiện tượng hơn là tính bản chất, vĩ mô; tập trung vào hiện trạng hơn là quá trình; theo hướng thu hẹp không gian nghiên cứu hơn là bao quát trên phạm vi rộng.

Hướng nghiên cứu thứ nhất – *Những vấn đề ruộng đất từ thời các chúa Nguyễn đến thời thuộc Pháp* – vẫn tiếp tục với việc Ban Sử học hoàn thành bộ sách *Lịch sử khai phá Đồng bằng sông Cửu Long - Đồng Nai (tức Nam Bộ nói chung) trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX và nửa đầu thế kỷ XX* (Huỳnh Lúa chủ biên, 1987). Chủ đề di dân và khẩn hoang như vậy đã có một sự tổng kết xứng đáng sau nhiều năm tích lũy tư liệu của Ban Sử học. Tuy nhiên, không phải vì thế mà cảm hứng cho chủ đề này đã hết. Năm 1987, nhân kỷ niệm 250 năm thành lập Tao đàn Chiêu Anh Các tổ chức ở Kiên Giang, Huỳnh Lúa có bài viết *Công cuộc khai phá trấn Hà Tiên vào những năm cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII và vai trò của họ Mạc*; hai năm sau, trong hội nghị khoa học về *Truyền thống văn hóa và truyền thống cách mạng của các dân tộc thiểu số ở nước ta* (do Bộ Văn hóa Thông tin và Viện phối hợp tổ chức, 1989), ông tiếp

tục có bài *Người Hoa với công cuộc khai phá Đồng bằng sông Cửu Long trong các thế kỷ XVII, XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX*. Ngoài ra, còn có sự xuất hiện đều đặn của các nghiên cứu: *Về chính sách ruộng đất của nhà Nguyễn* (Lê Quốc Sử, trong *Những vấn đề văn hóa - xã hội thời Nguyễn*, 1992); *Đồn điền - một trong những yếu tố hình thành làng xã Nam Bộ* (Trần Minh Tâm, trong sách *Kỷ niệm 20 năm hoạt động khoa học của Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử*, 1995); *Thành tựu khai hoang của di dân người Việt ở Nam Bộ* (Lê Quốc Sử, Tạp chí Khoa học Xã hội, số 12, 1997); *Tình hình định cư, khai phá vùng Châu Đốc - Hà Tiên hồi thế kỷ XIX* (Lê Văn Năm, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2, 2000) và bài viết *Việc hình thành các đồn điền trong công cuộc khai phá vùng đất An Giang thời nhà Nguyễn* (Trần Anh Tuấn, 2000, kỷ yếu *Hội thảo khoa học về lịch sử hình thành vùng đất An Giang*)... Những nghiên cứu kể trên chứng tỏ chủ đề tìm hiểu quá trình mở mang bờ cõi của các thế hệ người Việt tiên trú ở vùng đất phương Nam luôn có sức hấp dẫn với các nhà nghiên cứu.

Bên cạnh các nghiên cứu trên, có một nghiên cứu vừa nói chuyện xưa, vừa nói chuyện nay, đó là cuốn lịch sử kinh tế: *Nghề nông Nam Bộ* (Trần Xuân Kiêm, 1992). Cuốn sách giúp người đọc khái lược những thay đổi trong tập quán canh tác của người nông dân Nam Bộ. Tác giả điểm lại diễn trình tập trung - phân tán ruộng đất ở Nam Bộ từ thời các chúa

Nguyễn cho đến những năm đầu đổi mới, phân tích sâu các vấn đề hiện trạng đời sống nông thôn Nam Bộ đầu những năm 1990 trên các mặt sở hữu ruộng đất của các nông hộ, sự phân hóa giàu nghèo và phân tầng xã hội.

Xem xét hướng nghiên cứu thứ 2 trong giai đoạn này (các di sản của chính sách ruộng đất thời Việt Nam Cộng hòa), chúng tôi nhận thấy mối quan tâm đối với vấn đề ruộng đất và kinh tế nông thôn ở miền Nam thời kỳ 20 năm chiến tranh đã thừa thốt dần. Ngoài Phan An tiếp tục tiếp cận từ góc độ dân tộc học qua bài viết *Bước đầu tìm hiểu chế độ sở hữu ruộng đất của người Chăm ở Thuận Hải trước 1975* (1989, trong *Người Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hóa Thông tin Thuận Hải), thì Lâm Quang Huyền được dư luận chú ý với chuỗi 3 công trình: *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và vấn đề ruộng đất của nông dân miền Nam* (1993, Nxb. Chính trị Quốc gia), *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam* (1997, Nxb. Khoa học Xã hội) và *Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam* (2007, Nxb. Khoa học Xã hội).

Trong các công trình của mình, Lâm Quang Huyền cho rằng vấn đề ruộng đất ở Việt Nam bao hàm hai yếu tố: cách mạng ruộng đất và sử dụng tốt quỹ đất. Dựa vào quan điểm ấy, ông thường đi từ những vấn đề chung, có tính lý luận như mối quan hệ giữa ruộng đất với nông nghiệp và nông dân, quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh về vấn đề ruộng đất, hay kinh nghiệm giải quyết vấn đề ruộng đất trên thế

giới... để trình bày lịch sử cách mạng ruộng đất ở Việt Nam.

Hướng nghiên cứu thứ 3 (đặc điểm và biến động của tình hình ruộng đất từ sau giải phóng đến nay) được đẩy mạnh trong giai đoạn này, do từ sau Đổi mới, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ngày càng được ưu tiên nhằm phục vụ trực tiếp cho quốc kế, dân sinh.

Về chủ đề cụ thể, trong khi kinh tế hộ, công tác khoán, tranh chấp ruộng đất, Luật Đất đai... thu hút được sự quan tâm của giới nghiên cứu và quản lý, thì các nhà nghiên cứu của Viện lại để ý nhiều hơn vào những hiệu ứng trái chiều phát sinh cùng với chính sách Nông thôn mới của Đảng. Chẳng hạn Viện đã thực hiện không ít những đo lường, giải thích và đánh giá các hiện tượng, như: sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo trong nông thôn, sự phân bố và chuyển dịch cơ cấu sở hữu đất đai, xu hướng tích tụ ruộng đất, đánh giá năng lực của nông dân Nam Bộ trước bài toán đi lên sản xuất lớn, tình trạng thiếu đất sản xuất và không đất sản xuất trong một bộ phận nông dân, tình trạng lao động thừa ở nông thôn, phân bố lại lao động trong nông thôn, xu hướng ly nông và ly hương.

Theo hướng ấy, Viện đã hình thành được nhiều công trình tập thể quy mô thông qua các cuộc điều tra xã hội học ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trước tiên phải kể đến tập hợp báo cáo khoa học của Nguyễn Công Bình, Lâm Quang Huyền, Đỗ Thái Đồng, Lê Quốc Sử, Nguyễn Thu Sa... tại Hội

ngành khoa học - thực tiễn *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước* (7 - 8/6/1989), với mục đích chính là giải quyết đồng bộ các chính sách đối với nông nghiệp. Trên quan điểm: “Giải quyết vấn đề ruộng đất phải gắn chặt với mục tiêu phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn và lợi ích của người nông dân. Sự tồn tại một bộ phận lao động làm thuê trong nông nghiệp là một thực tại khách quan của nông nghiệp hàng hóa. Trong tình hình hiện nay không thể xóa bỏ nó bằng chính sách san bằng ruộng đất, mà chính là phải đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa cây trồng, phát triển ngành nghề nông” (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 1989, tr. 9). Nguyễn Thu Sa và Lê Quốc Sử đều cho rằng điểm cốt lõi để giải quyết vấn đề nằm ở chính sách ruộng đất. Có thể nói công trình này, cùng với các bài viết của Nguyễn Hữu Thân, Trần Du Lịch trong sách *Một số đặc điểm kinh tế ở miền Nam Việt Nam* do Lâm Quang Huyền chủ biên xuất bản hai năm sau, đã đánh dấu một bước tiến dài trong việc nghiên cứu cơ sở kinh tế - xã hội của vùng đất Nam Bộ.

Tiếp sau đó, Nguyễn Công Bình, Đỗ Thái Đồng, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Quới tiếp tục cho ra mắt tác phẩm *Đồng bằng sông Cửu Long – nghiên cứu phát triển* (Nxb. Khoa học Xã hội, 1995). Các tác giả bàn thảo nhiều đến các yếu tố thúc đẩy sự phát triển sản xuất nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long, với trọng tâm phân tích là cơ cấu sở hữu ruộng đất của

các nông hộ; đồng thời chỉ ra những hạn chế, trở ngại để từ đó tìm con đường phát triển bền vững cho vùng châu thổ rộng lớn.

Một ấn phẩm đáng chú ý khác là bản *Phúc trình phân tích cuộc điều tra kinh tế - xã hội, nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long* của tổ Nghiên cứu kinh tế - xã hội Trung ương và tập tài liệu *Báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Cửu Long – Việt Nam* do giáo sư Nguyễn Công Bình chủ biên cùng tập thể Ban Kinh tế - Xã hội (Trần Anh Tuấn, Nguyễn Quang Vinh, Trần Du Lịch) thực hiện. Phúc trình là sản phẩm thuộc *Dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long* VIE-87/031 (1990 - 1993), nhưng có kế thừa số liệu từ một vài cuộc điều tra trước đó (như cuộc điều tra lớn 1.000 hộ nông dân trong Chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước về kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Cửu Long, 1984). Một điểm mới của việc hình thành Phúc trình này là bước đầu ứng dụng các phương pháp đánh giá đất đai định lượng gắn với yếu tố kinh tế (sử dụng đất) và những yếu tố tự nhiên (tài nguyên đất đai).

Hơn 10 năm sau, kể từ khi Viện Khoa học xã hội miền Nam cho ra cuốn *Những vấn đề khoa học xã hội ở miền Nam*, năm 1992, Ban Xã hội học xuất bản sách *Những vấn đề xã hội học ở miền Nam* (Nxb. Khoa học Xã hội) với cùng ý nghĩa là để định hướng các vấn đề nghiên cứu cơ bản. Trong cuốn sách có hai bài phân tích của Lê Minh Ngọc và Nguyễn Thu Sa về

những chính sách ruộng đất cũ và mới của Đảng. Bài viết *Thử nhìn lại quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam Bộ* của Lê Minh Ngọc (1992, tr. 36) lưu ý tránh phủ định sạch trơn vai trò của các mô hình kinh tế tập thể. Bởi vì cùng với tinh thần đổi mới, hiện tượng gán mác “sai lầm”, “thất bại” cho kinh tế hợp tác xã, tập đoàn đang bung ra khắp nơi. Nhưng để ý sau khoán 10 (1988), việc người dân tự nguyện phát triển các hình thức liên kết trong lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp, vận chuyển, cung ứng, tiêu thụ, tài chính, tiền tệ... đã đưa Lê Minh Ngọc tới nhận định: “Thực ra nông thôn Nam Bộ và nông dân Nam Bộ không phản ứng với các hình thức hợp tác hóa đích thực và hợp quy luật trong quá trình sản xuất, lao động, họ chỉ không thể nào thích ứng được với quá trình tập thể hóa ồ ạt, không tính đến các điều kiện lịch sử đặc thù ở Nam Bộ”.

Trong bài viết *Suy nghĩ từ những khảo sát hiệu quả của Nghị quyết 10* Nguyễn Thu Sa (1992, tr. 39-48) đưa ra 5 kiến nghị: tạo ra sự ổn định về quyền sử dụng đất; xử lý đúng đắn những vấn đề nảy sinh từ việc phá vỡ thể bình quân về ruộng đất; tạo khả năng cho nông dân tự điều chỉnh ruộng đất của mình; tăng thời gian giao quyền sử dụng đất; xử lý đất của các nông trường quốc doanh để giảm tải tình trạng thiếu đất. Các quan điểm và kiến nghị của Lê Minh Ngọc, Nguyễn Thu Sa từ 20 năm trước phù hợp với những thay đổi của Luật Đất đai 2013 sau này, và có thể những

sửa đổi tiếp theo sẽ còn theo chiều hướng mà các tác giả đã vạch ra.

Vấn đề ruộng đất cũng được phản ánh với nhiều mức độ khác nhau trong sản phẩm của một số cá nhân nhà nghiên cứu. Lâm Quang Huyền và Trương Thị Minh Sâm cùng có những luận bàn về kinh tế trang trại - một lời giải đối với bài toán đưa nông nghiệp Nam Bộ đi lên sản xuất lớn, qua các bài viết và công trình: *Trang trại là xu hướng phát triển tất yếu của nông nghiệp nước ta* (Lâm Quang Huyền, 1999), *Nông nghiệp và nông thôn Nam Bộ hướng tới thế kỷ XXI* (Lâm Quang Huyền, 2002), *Kinh tế trang trại ở các tỉnh phía Nam – Một số vấn đề đặt ra* (Trương Thị Minh Sâm, 2000). Bên cạnh đó, Đào Công Tiến trần trụi với vấn đề tích tụ ruộng đất và thực trạng tất yếu đi kèm với nó là vấn đề thiếu đất, không đất sản xuất của một bộ phận nông dân qua hai bài viết: *Làm sao cho nông dân Đồng bằng sông Cửu Long hết nghèo và giàu lên* (2006a), *Nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long trên con đường hội nhập vào WTO* (2006b).

GIẢI ĐOẠN TỪ 2010 ĐẾN NAY

Chúng tôi tách 5 năm này ra mà không có lý do gì thật sự thuyết phục để trả lời câu hỏi tại sao lại phân kỳ như vậy. Nhưng cho rằng 5 năm là đủ để nhận diện và suy ngẫm những vấn đề của hôm nay so với những cái xa xôi hơn của các thế hệ nhà nghiên cứu đi trước. Trong 5 năm này, những đề tài ít nhiều bàn đến vấn đề ruộng đất, gồm: *Phân bố và chuyển dịch đất*

nông nghiệp của hộ gia đình ở Tây Nam Bộ (Bùi Thế Cường, Lê Thanh Sang, 2010, tr. 24-32); *Nông hộ và ruộng đất: Những chuyển động và thách thức (Qua khảo sát tại hai xã nông nghiệp huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)* (Trần Hữu Quang, 2012) và *Nông hộ và ruộng đất ở Nam Bộ: Những đặc trưng và bài toán phát triển* (Trần Hữu Quang, 2014, tr. 19-34); *Thực trạng tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ* (Hoàng Thị Thu Huyền, 2013); *Chính sách ruộng đất ở Nam Bộ thời nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu Hán Nôm* (Phạm Ngọc Hường, 2014), *Biến động về sở hữu và sử dụng đất đai ở nông thôn vùng ven TP HCM giai đoạn 1975 - 2010 (Nghiên cứu trường hợp xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP HCM)* (Trịnh Thị Lệ Hà, 2014); *Vấn đề khai phá mở rộng đất nông nghiệp ở nông thôn Đông Nam Bộ thời kỳ 1975 - 2010 (Nghiên cứu trường hợp xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)* (Nguyễn Công Mạnh, 2014). Ngoài các vấn đề cụ thể còn có đề tài *Tổng quan tình hình nghiên cứu về ruộng đất ở Nam Bộ từ 1975 đến nay* (Nguyễn Văn Trường, 2014), tổng hợp, đánh giá lại các nghiên cứu về ruộng đất ở Nam Bộ sau năm 1975.

Nhìn vào liệt kê trên, số lượng nghiên cứu về chủ đề ruộng đất so với những giai đoạn trước không thua kém (trong 5 năm này có 9 trên tổng số 65 công trình nghiên cứu, đề tài, bài viết về ruộng đất đã thực hiện trong 40 năm). Song điều đáng băn khoăn nằm ở sự tàn lụi về chủ đề nghiên cứu. Hầu

hết đều không phải là những sản phẩm của sự phối hợp nghiên cứu liên ngành mang tính tập thể, hay nằm trong chương trình, dự án nghiên cứu lớn về ruộng đất như đã từng thấy ở các giai đoạn trước. Điều này làm hạn chế khả năng được phổ biến và ứng dụng vào thực tiễn của các nghiên cứu.

KẾT LUẬN

Xét về mặt số lượng (có thể thống kê còn chưa đầy đủ), con số 65 nghiên cứu có bàn về vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ (chúng tôi tạm liệt kê trong phụ lục dưới đây), so với 141 xuất bản phẩm⁽¹⁾ cùng chung mối quan tâm, mà chúng tôi đã khảo sát trên phạm vi cả trong và ngoài Viện tính đến năm 2014 (Nguyễn Văn Trường, 2014), chứng tỏ Viện thường giữ vai trò tiên phong ở lĩnh vực nghiên cứu này. Về mặt đóng góp khoa học thì nhiều khía cạnh của tình hình ruộng đất vốn là thể mạnh riêng của các nhà nghiên cứu trong Viện, như việc tìm hiểu lịch sử khẩn hoang, làm rõ những thời kỳ và chính sách khác nhau về ruộng đất, nhận diện sự vận động của tình hình ruộng đất trong mối quan hệ với đời sống nông dân và cơ cấu xã hội nông thôn ở Nam Bộ... Đánh giá toàn cục thì các nghiên cứu mà chúng tôi đã khảo cứu được là một nguồn tư liệu phong phú, chi tiết, đủ để giải đáp hiệu quả nhu cầu tìm hiểu vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ.

Có được thành tựu này cần vinh danh các nhà nghiên cứu Nguyễn Công Bình, Lâm Quang Huyền, Nguyễn

Quang Vinh, Nguyễn Thu Sa, Đỗ Thái Đồng, Nguyễn Quới, Lê Quốc Sử, Trần Xuân Kiêm, Huỳnh Lúa, Phan An... những nhà nghiên cứu có ảnh hưởng một thời. 5 năm trở lại đây, vấn đề muôn thuở của nông dân và

nông thôn Nam Bộ vẫn tiếp tục được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, nhưng cần có giải pháp để các nhà nghiên cứu cùng nhau liên kết nhằm giải quyết tốt những bức xúc mà thực tiễn đang đặt ra. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Con số này chúng tôi thống kê dựa trên các nguồn: 1/Từ thư mục, sách tổng mục lục Thư viện Khoa học xã hội TPHCM; 2/Từ tra cứu lưu trữ mạng, với các từ khóa chính: “vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ”, “vấn đề ruộng đất ở Việt Nam”, “vấn đề ruộng đất”, “sở hữu ruộng đất ở Nam Bộ”, “chính sách ruộng đất ở Nam Bộ”, “quản lý ruộng đất”, “nông nghiệp, nông dân, nông thôn Nam Bộ”, “tập thể hóa nông nghiệp”, “khoán hộ”, “kinh tế trang trại ở Đồng bằng sông Cửu Long”, “vấn đề thiếu đất và không đất sản xuất”, “tích tụ ruộng đất” (chủ yếu áp dụng tại Thư viện Tổng hợp TPHCM và Thư viện Quốc gia Việt Nam); 3/Từ các bài viết trên website của một số tạp chí nghiên cứu (như Tia Sáng), một số bộ, ngành (như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên - Môi trường, ngành Quản lý đất đai).

PHỤ LỤC: Danh mục các tác phẩm, đề tài, bài viết về vấn đề ruộng đất của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ (1975 - 2015). (Thông kê còn chưa đầy đủ).

1. Ban Kinh tế. 1979. *Tình hình kinh tế miền Nam Việt Nam qua các chỉ tiêu thống kê từ 1954 - 1975*. TPHCM: Viện Khoa học xã hội tại TPHCM.
2. Ban Kinh tế. 1980. *Kinh tế xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long qua các tư liệu cũ 1954 - 1975*. TPHCM: Viện Khoa học xã hội tại TPHCM.
3. Bùi Thế Cường, Lê Thanh Sang. 2010. *Phân bố và chuyển dịch đất nông nghiệp của hộ gia đình ở Tây Nam Bộ*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 4.
4. Đào Công Tiến. 2006a. *Làm sao cho nông dân Đồng bằng sông Cửu Long hết nghèo và giàu lên*. Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 191.
5. Đào Công Tiến. 2006b. *Nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long trên con đường hội nhập vào WTO*. Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 192.
6. Đỗ Thái Đồng. 1995. *Con đường từ kinh tế tiểu nông đến kinh tế hàng hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Xã hội học, số 1.
7. Hoàng Thị Thu Huyền. 2013. *Thực trạng tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 11.
8. Hoàng Thị Thu Huyền. 2015. *Những yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 6(202).
9. Huỳnh Lúa (chủ biên). 1987. *Lịch sử khai phá Đồng bằng sông Cửu Long - Đồng Nai (tức Nam Bộ nói chung) trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX và nửa đầu thế kỷ XX*. TPHCM: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Huỳnh Lúa. 1978. *Vài nét về cuộc di chuyển dân cư và khai thác những vùng đất mới ở Đồng Nai - Gia Định trong các thế kỷ XVII, XVIII*. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3 (10).

11. Huỳnh Lứa. 1982. *Công cuộc khai phá vùng Đồng Nai - Gia Định trong các thế kỷ XVII - XVIII*, trong *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
12. Huỳnh Lứa. 1984. *Mấy vấn đề về cơ cấu chế độ sở hữu ruộng đất ở vùng Đồng Nai - Gia Định (Nam Bộ cũ) vào nửa đầu thế kỷ XIX*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2 (215).
13. Huỳnh Lứa. 1984. *Vài nhận xét về cơ cấu sở hữu ruộng đất ở Nam Bộ vào nửa đầu thế kỷ XIX*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3.
14. Huỳnh Lứa. 1987. *Công cuộc khai phá trấn Hà Tiên vào những năm cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII và vai trò của họ Mạc*, trong *Hội thảo 250 năm thành lập Tao đàn Chiêu Anh Các*. Kiên Giang.
15. Huỳnh Lứa. 1989. *Người Hoa với công cuộc khai phá Đồng bằng sông Cửu Long trong các thế kỷ XVII, XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX*, trong *Hội nghị khoa học Truyền thống văn hóa và truyền thống cách mạng của các dân tộc thiểu số ở nước ta do Bộ Văn hóa Thông tin và Viện Khoa học xã hội tại TP HCM tổ chức*.
16. Huỳnh Lứa. 2008. *Chính sách ruộng đất của các chúa Nguyễn ở Đồng Nai – Gia Định thế kỷ XVIII* (Kỷ yếu hội thảo *Triều Nguyễn và lịch sử của chúng ta*). TP HCM: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
17. Lâm Quang Huyền. 1976. *Kết cấu giai cấp và cách mạng quan hệ sản xuất trong nông thôn Nam Bộ*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 4.
18. Lâm Quang Huyền. 1977. *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
19. Lâm Quang Huyền. 1982. *Một số ý kiến xung quanh vấn đề tập thể hóa nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
20. Lâm Quang Huyền. 1990. *Nền kinh tế nhiều thành phần ở miền Nam Việt Nam, trong miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
21. Lâm Quang Huyền. 1991. *Vai trò nông hộ và hình thức hợp tác nông nghiệp*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 8.
22. Lâm Quang Huyền. 1993. *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và vấn đề ruộng đất của nông dân miền Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
23. Lâm Quang Huyền. 1997. *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
24. Lâm Quang Huyền. 1999. *Trang trại là xu hướng phát triển tất yếu của nông nghiệp nước ta*. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 102, tr. 29-32.
25. Lâm Quang Huyền. 2002. *Nông nghiệp và nông thôn Nam Bộ hướng tới thế kỷ XXI*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
26. Lâm Quang Huyền. 2007. *Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
27. Lê Minh Ngọc. 1982. *Về tầng lớp trung nông ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
28. Lê Minh Ngọc. 1992. *Thử nhìn lại quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam Bộ*, trong *Những vấn đề Xã hội học ở miền Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

29. Lê Quốc Sử. 1982. *Ý nghĩa của vấn đề khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động trong nông nghiệp đối với Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
30. Lê Quốc Sử. 1990. *Một số suy nghĩ về hướng giải quyết quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay*, trong *Tài liệu Hội thảo Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*. (7-8/6/1989), lưu tại Thư viện Khoa học Xã hội.
31. Lê Quốc Sử. 1991. *Đặc điểm về ruộng đất ở Nam Bộ*, trong *Một số đặc điểm kinh tế ở miền Nam Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
32. Lê Quốc Sử. 1992. *Về chính sách ruộng đất của nhà Nguyễn*, trong *Những vấn đề văn hóa - xã hội thời Nguyễn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
33. Lê Quốc Sử. 1997. *Thành tựu khai hoang của di dân người Việt ở Nam Bộ*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 12.
34. Lê Văn Năm. 1981. *Nghề trồng lúa ở Nam Bộ hồi thế kỷ XIX trở về trước*, trong *Sử học - số 2*. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
35. Lê Văn Năm. 1982. *Vấn đề thủy lợi trong việc khai phá đồng bằng Nam Bộ của người Việt ở thế kỷ XVII, XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX*, trong *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
36. Lê Văn Năm. 2000. *Tình hình định cư, khai phá vùng Châu Đốc - Hà Tiên hồi thế kỷ XIX*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2.
37. Nguyễn Công Bình, Đỗ Thái Đồng, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Quới. 1995. *Đồng bằng sông Cửu Long – nghiên cứu phát triển*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
38. Nguyễn Công Bình. 1989. *Một số đặc điểm xuất phát của miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 2.
39. Nguyễn Công Mạnh. 2014. *Vấn đề khai phá mở rộng đất nông nghiệp ở nông thôn Đông Nam Bộ thời kỳ 1975 - 2010 (Nghiên cứu trường hợp xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*. Đề tài cấp cơ sở, Hội đồng khoa học Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ nghiệm thu ngày 10/12/2014.
40. Nguyễn Nghị. 1986. *Công cuộc khai phá vùng đất Nam Bộ dưới thời Pháp thuộc*, trong *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. TPHCM: Nxb. Khoa học Xã hội.
41. Nguyễn Thu Sa. 1984. *Sự phân hóa xã hội và một số vấn đề về tập thể hóa nông nghiệp ở Nam Bộ*. Tạp chí Khoa học và Phát triển, số 16.
42. Nguyễn Thu Sa. 1989. *Vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 6.
43. Nguyễn Thu Sa. 1990. *Về ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Báo cáo tại hội nghị khoa học - thực tiễn Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước* do Viện Khoa học xã hội tại TPHCM tổ chức, ngày 7-8/6/1989.
44. Nguyễn Thu Sa. 1991. *Về nhân vật trung tâm ở nông thôn Nam Bộ: Người trung nông*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 9.
45. Nguyễn Thu Sa. 1992. *Suy nghĩ từ những khảo sát mới về vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Những vấn đề xã hội học ở miền Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

46. Nguyễn Văn Trường. 2014. *Tổng quan tình hình nghiên cứu về ruộng đất ở Nam Bộ từ 1975 đến nay*. Đề tài cấp cơ sở, Hội đồng khoa học Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ nghiệm thu ngày 10/12/2014.
47. Phạm Ngọc Hường. 2014. *Chính sách ruộng đất ở Nam Bộ thời nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu Hán Nôm*. Đề tài cấp cơ sở, Hội đồng khoa học Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ nghiệm thu ngày 10/12/2014.
48. Phan An. 1978. *Vấn đề trung nông Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Những vấn đề dân tộc học ở miền Nam Việt Nam*. TP HCM: Viện Khoa học xã hội tại TP HCM.
49. Phan An. 1980. *Vài nét về ruộng đất nông thôn của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Sưu tập Dân tộc học 1979*. Hà Nội: Viện Dân tộc học.
50. Phan An. 1982. *Một số vấn đề kinh tế - xã hội vùng nông thôn của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
51. Phan An. 1983. *Vấn đề quyền sử dụng và quyền sở hữu đất đai ở Tây Nguyên trong lịch sử*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2.
52. Phan An. 1989. *Bước đầu tìm hiểu chế độ sở hữu ruộng đất của người Chăm ở Thuận Hải trước 1975*, trong *Người Chăm ở Thuận Hải*. Thuận Hải: Sở Văn hóa Thông tin.
53. Trần Anh Tuấn. 2000. *Việc hình thành các đồn điền trong công cuộc khai phá vùng đất An Giang thời nhà Nguyễn*, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học lịch sử về việc hình thành vùng đất An Giang*. An Giang: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường.
54. Trần Đình Thiên. 1982. *Một số vấn đề về công tác cải tạo nông nghiệp ở huyện Long Phú*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 5.
55. Trần Hữu Quang. 1982. *Nhận diện cơ cấu giai cấp ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 9.
56. Trần Hữu Quang. 2012. *Nông hộ và ruộng đất: Những chuyển động và thách thức (Qua khảo sát tại hai xã nông nghiệp huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 9.
57. Trần Hữu Quang. 2014. *Nông hộ và ruộng đất ở Nam Bộ: Những đặc trưng và bài toán phát triển*. Tạp chí Xã hội học, số 3.
58. Trần Minh Tâm. 1995. *Đồn điền - một trong những yếu tố hình thành làng xã Nam Bộ*, trong *20 năm hoạt động khoa học của Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử*. TP HCM: Viện Khoa học xã hội.
59. Trần Thị Bích Ngọc. 1986. *Chủ nghĩa thực dân mới và vấn đề sở hữu ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2.
60. Trần Xuân Kiêm - Nguyễn Lâu. 1981. *Vài ý kiến về vấn đề địa tô chênh lệch ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, trong *Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long lần thứ nhất*.
61. Trần Xuân Kiêm. 1992. *Nghề nông Nam Bộ*. TP HCM: Nxb. Khoa học Xã hội.
62. Trịnh Thị Lệ Hà. 2014. *Biến động về sở hữu và sử dụng đất đai ở nông thôn vùng ven TP HCM giai đoạn 1975 - 2010 (Nghiên cứu trường hợp xã Hiệp Phước, huyện Nhà*

Bè, TP HCM). Đề tài cấp cơ sở, Hội đồng khoa học Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ nghiệm thu ngày 10/12/2014.

63. Trương Thị Minh Sâm. 2000. *Kinh tế trang trại ở các tỉnh phía Nam – Một số vấn đề đặt ra*. TP HCM: Nxb. Khoa học Xã hội.

64. Viện Khoa học xã hội tại TP HCM. 1989. Tập hợp báo cáo tại Hội thảo Khoa học - thực tiễn *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước*, ngày 7-8/6/1989, bản lưu tại Thư viện Khoa học xã hội.

65. Viện Khoa học xã hội tại TP HCM. 2000. *Viện Khoa học xã hội tại TP HCM 25 năm xây dựng và phát triển*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Xã hội học - Viện Khoa học xã hội tại TP HCM. 1992. *Những vấn đề Xã hội học ở miền Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

2. Lưu Anh Rô. 2010. *Vị giáo sư từng là Bí thư huyện ủy Hòa Vang*. Nguồn: <http://baodanang.vn/channel/5399/201002/vi-giao-su-tung-la-bi-thu-huyen-uy-hoa-vang-1994545/>. Truy cập ngày 10/8/2015.

3. Nguyễn Văn Trường. 2014. *Tổng quan tình hình nghiên cứu về ruộng đất ở Nam Bộ từ 1975 đến nay*. Đề tài cấp cơ sở, Hội đồng khoa học Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ nghiệm thu ngày 10/12/2014.

4. Phan Huy Chú. 1992. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập I (Tổ phiên dịch Viện Sử học Việt Nam dịch và chú giải, tái bản). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

5. Trần Hữu Quang. 2014. *Nông hộ và ruộng đất ở Nam Bộ: Những đặc trưng và bài toán phát triển*. Tạp chí Xã hội học, số 3.

6. Viện Khoa học xã hội tại TP HCM. 1982. *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

7. Viện Khoa học xã hội tại TP HCM. 1989. Tập hợp báo cáo tại Hội thảo Khoa học - thực tiễn *Miền Nam trong sự nghiệp đổi mới của cả nước* tổ chức từ 7-8/6/1989, bản lưu tại Thư viện Khoa học Xã hội.

8. Viện Khoa học xã hội tại TP HCM. 2000. *25 năm xây dựng và phát triển*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.